

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày 27-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hải Quân.

Bà Hà Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 7 năm 1971, tại thành phố T, tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: Thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Lại Thị Y; chồng: Không có; con: Có 01 con, sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị kết án; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 8 năm 2020 đến nay; có mặt.

2. Đinh Văn T, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1970, tại tỉnh Hòa Bình; nơi thường trú: Xóm C, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án: có 01, tại Bản án số 18/2018/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 15 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị kết, tại Bản án số 18/HSST ngày 18 tháng 7 năm 1998 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội

Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa (đã được xóa), đã bị xử lý hành chính, ngày 12 tháng 10 năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 24 tháng (đã được xóa); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 8 năm 2020 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985; nơi thường trú: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1985; nơi thường trú: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

3. Ông Chu Văn S, sinh năm 1974; nơi thường trú: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1962; nơi thường trú: Thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1974; nơi thường trú: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2020, Nguyễn Thị N thuê nhà của bà Nguyễn Kim T tại tổ A, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để kinh doanh gội đầu, massage với tên quán là "M". Đến tháng 7-2020, nhận thấy khách đến quán có nhu cầu mua dâm nên Nguyễn Thị N sửa lại kết cấu căn nhà, ngăn phía trong thành 02 phòng nhỏ làm địa điểm mua bán dâm. Nguyễn Thị N cho 02 gái bán dâm là Bùi Thị H, Bùi Thị H1 ăn, ngủ, sinh hoạt và bán dâm tại quán và chuẩn bị sẵn bao cao su để gái bán dâm tự lấy phục vụ khách. Khi có khách đến mua dâm thì Nguyễn Thị N sắp xếp phòng để Bùi Thị H và Bùi Thị H1 bán dâm cho khách. Nguyễn Thị N thu mỗi khách vào mua dâm từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng, N hưởng lợi một nửa, một nửa trả cho gái bán dâm. Quá trình hoạt động chứa mại dâm, Nguyễn Thị N thuê Đinh Văn T với tiền công 200.000 đồng/ngày cùng ở tại nhà. Hằng ngày, Đinh Văn T có nhiệm vụ nấu ăn, dọn dẹp các phòng, thu tiền của khách đến mua dâm rồi chuyển lại cho Nguyễn Thị N. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01-8-2020, Chu Văn S đến quán để mua dâm, S đưa cho Đinh Văn T 200.000 đồng, T cầm tiền rồi sắp xếp cho Bùi Thị H và Chu Văn S vào một phòng để quan hệ tình dục. Khi vào phòng, S đưa cho H thêm 50.000 đồng. Khoảng một lúc sau, có Nguyễn Anh T cùng Nguyễn Văn Th đến quán để mua dâm, Nguyễn Anh T đưa cho Đinh Văn T 600.000 đồng là tiền để Nguyễn Anh T và Th mua dâm, T cầm tiền rồi để vào tủ cho Nguyễn Thị N. Do lúc này chỉ còn 01 gái bán dâm là Bùi Thị H1 nên Đinh Văn T sắp xếp cho Nguyễn Anh T và H1 vào phòng còn lại để mua bán dâm trước, còn Nguyễn Văn Th ở ngoài đợi. Khoảng 23 giờ cùng ngày, tổ công tác Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra quán của Nguyễn Thị N thì

phát hiện tại 01 phòng ngủ có Chu Văn S và Bùi Thị H, 01 phòng ngủ có Nguyễn Anh T và Bùi Thị H1 đang có hành vi mua bán dâm.

Vật chứng thu giữ: 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Sure đã qua sử dụng. Thu giữ của Nguyễn Thị N: 10 bao cao su nhãn hiệu Sure chưa qua sử dụng, 600.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị N. Thu giữ của Đinh Văn T: 200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đinh Văn T. Thu giữ của Bùi Thị H: 50.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu vàng đã qua sử dụng. Thu giữ của Bùi Thị H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng. Thu giữ của Chu Văn S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu tím đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ biển kiểm soát 12D1-059.xx.

Kết luận giám định số 302/KLGD-PC09 ngày 24-8-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận toàn bộ số tiền 850.000 đồng thu giữ trong vụ án là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 04-01-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Đinh Văn T về tội Chứa mại dâm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Đinh Văn T phạm tội “Chứa mại dâm”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Đinh Văn T; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 05 năm đến 06 năm tù. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 850.000 đồng do có liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N: 01 điện thoại Oppo, 01 điện thoại Nokia, 01 giấy chứng minh nhân dân do không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo Đinh Văn T 01 điện thoại Samsung, 01 giấy chứng minh nhân dân do không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su, 10 bao cao su chưa qua sử dụng. Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho: Chị Bùi Thị H 01 điện thoại Vivo, chị Bùi Thị H1 01 điện thoại Oppo, ông Chu Văn S 01 điện thoại Masstel, 01 xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với đề nghị của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng,

các bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, các bị cáo và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01-8-2020, tại quán M thuộc tổ A, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Nguyễn Thị N, Đinh Văn T đã thực hiện hành vi chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian gồm Bùi Thị H bán dâm cho Chu Văn S, Bùi Thị H1 bán dâm cho Nguyễn Anh T. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định của Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Đinh Văn T về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, nếp sống văn hóa của dân tộc, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng do háms lợi, các bị cáo đã bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị N không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đinh Văn T chưa được xóa án tích đối với

Bản án số 18/2018/HSST ngày 20-4-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo Đinh Văn T thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo Đinh Văn T có mẹ là bà Nguyễn Thị T, bố là ông Đinh Văn D được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đinh Văn T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị N có nhân thân tốt do chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo Đinh Văn T không được coi là có nhân thân tốt do có tiền án, đã bị kết án và bị xử lý hành chính.

[8] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, do các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ trong thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Thị N có vai trò chính trong vụ án, trực tiếp điều hành việc chứa mại dâm. Bị cáo Đinh Văn T có vai trò giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị N thực hiện hành vi chứa mại dâm. Bị cáo Nguyễn Thị N có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đinh Văn T có nhân thân xấu, có 01 (một) tình tiết tăng nặng. Do đó, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương đương nhau.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh của cơ quan điều tra đều thể hiện các bị cáo không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Đối với hành vi mua bán dâm của Bùi Thị H, Bùi Thị H1, Chu Văn S, Nguyễn Anh T đều đã bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[12] Bà Nguyễn Kim T là người cho Nguyễn Thị N thuê nhà tại tổ A, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do bà Nguyễn Kim T không biết hành vi chứa mại dâm của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) do có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với các điện thoại, giấy chứng minh nhân dân thu giữ của các bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo. Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su, 10 bao cao su chưa qua sử dụng đều được sử dụng vào mục đích mua bán dâm nên cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Bùi Thị H 01 điện thoại Vivo;

chị Bùi Thị H1 01 điện thoại Oppo; ông Chu Văn S 01 điện thoại Masstel, 01 xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chỉ cần xác nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[15] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đinh Văn T.

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Đinh Văn T phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02 tháng 8 năm 2020.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Đinh Văn T.

4. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng), được đựng trong: 01 phong bì niêm phong dán kín có 600.000 đồng, 01 phong bì niêm phong dán kín có 200.000 đồng, 01 phong bì niêm phong dán kín có 50.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, IMEI 1: 8696604030481294, IMEI 2:

869604030481286; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, IMEI: 357698105175178; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị N.

Trả lại cho bị cáo Đinh Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samung màu vàng đồng đã qua sử dụng, IMEI: 359936076072117; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Đinh Văn T.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Sure đã qua sử dụng, được đựng trong: 01 phong bì niêm phong dán kín có ký hiệu M1, 01 phong bì niêm phong dán kín có ký hiệu M2; 10 (mười) bao cao su nhãn hiệu Sure chưa qua sử dụng được đựng trong một phong bì niêm phong dán kín.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/12/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho:

Chị Bùi Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu vàng đã qua sử dụng.

Chị Bùi Thị H1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng, đã qua sử dụng.

Ông Chu Văn S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu tím đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Waves màu đỏ, biển kiểm soát 12D1-059xx; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn S.

5. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Đinh Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp